

Đơn vị: BỆNH VIỆN ĐA KHOA VIỆT YÊN
Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BV ngày /05/2026 của Giám đốc Bệnh viện

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	101,448	101,448	-
I	Số thu phí, lệ phí, dịch vụ	101,448	101,448	-
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
3	Thu dịch vụ	101,448	101,448	-
	Thu dịch vụ khám bệnh chữa bệnh không BHYT	12,919	12,919	
	Thu dịch vụ KB CB từ quỹ BHYT thanh toán	81,383	81,383	
	Thu methadone	395	395	
	Thu dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	1,128	1,128	
	Thu dịch vụ XHH	4,109	4,109	
	Thu tiêm vắc xin	1,479	1,479	
	Thu khác	35	35	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			

III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	39,140	39,140	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	39,140	39,140	-
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>			
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	39,140	39,140	-
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	29,139	29,139	-

4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10,001	10,001	-
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			

3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			

6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			

Mẫu biểu số 76

[2025

Đa khoa Việt Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

**Số quyết toán được
duyet chi tiết từng đơn
vị trực thuộc (nếu có
đơn vị trực thuộc)**

6

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]